

Bản án số: 92/2024/HS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Cường**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Xuân Kiều**, ông **Lê Phi Long**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Đức Ninh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Kỳ Văn L, (CCCD số 020090001951), sinh ngày 24/5/1990; nơi cư trú và chỗ ở: thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn (học vấn): lớp 12/12; con ông Kỳ Dũng P và bà Hoàng Thị K; có vợ là Triệu Thị H và có hai con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 02/01/2024 trả tự do ngày 10/01/2024. Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Họ và tên: Phùng Văn K1 (CCCD số 020091001891); sinh ngày 09/04/1991; nơi cư trú và chỗ ở: thôn B, xã Y, huyện L, Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; con ông Phùng Văn M và bà Lành Thị T; có vợ là Mai Thị H1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 02/01/2024 trả tự do ngày 10/01/2024. Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Họ và tên: Lục Văn C (CCCD số 020071005819); sinh ngày 20/6/1971; nơi cư trú và chỗ ở: thôn N, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): không đi học; con ông Lục Văn T1 và bà Vi Thị C1; có vợ là Đặng Thị C2 và có 3 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 06/01/2024, trả tự do ngày 10/01/2024. Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Họ và tên: Mai Văn C3 (CCCD số 020088007407); sinh ngày 23/4/1988; nơi cư trú và chỗ ở: thôn B, xã T, huyện L, Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; con ông Mai Văn H2 và bà Trịnh Thị N; có vợ là Lưu Thị H3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2024 trả tự do ngày 10/01/2024. Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị L1, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980; địa chỉ: xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1976; địa chỉ: khối M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt;

+ Anh Lục Văn T2, (con bị cáo C); sinh năm 1996; địa chỉ: thôn N, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2023, Kỳ Văn L quen với một người đàn ông Trung Quốc tên A N1 (không rõ lai lịch, địa chỉ). Tối ngày 31/12/2023, A N1 liên lạc qua Wechat với L thuê đưa 03 người từ thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh đến khu vực mốc biên giới 1285 thuộc xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giao cho người đón họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 1.000.000 đồng/một người. A N1 gửi cho L số điện thoại của 03 người khách để liên hệ đón vào sáng sớm ngày hôm sau và bảo Lập thu của mỗi khách 1.000.000 đồng. Nếu không thu được tiền thì chụp ảnh khách gửi cho A N1 để thanh toán tiền công. Sau đó, L đã thuê Phùng Văn K1 đi đón 03 người xuất cảnh trái phép và hứa trả tiền công bằng một ngày công của K1 đi làm cạo nhựa thông, tương đương 300.000 đồng/01 người, K1 đồng ý và L đã chuyển số điện thoại của 03 người khách cho K1 để liên hệ và bảo K1 đi đón và thu tiền của khách như A N1 đã chỉ đạo.

Tiếp theo, K1 đã gọi vào các số điện thoại của khách do L chuyển thì biết có 02 người là Lê Thị L1 và Nguyễn Văn D nghỉ tại khách sạn B, thị trấn B và 01 người là Nguyễn Thị Hồng nghỉ ở tại Homestay A, thị trấn B.

Buổi sáng ngày 01/01/2024, K1 gọi điện thoại cho Lục Văn C và Mai Văn C3 bảo đến lán cạo nhựa thông của K1 ở thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, K1 rủ C và C3 cùng đi chở khách từ thị trấn B lên khu vực mốc biên giới 1285 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 300.000 đồng/01 người, cả hai đều đồng ý. Sau đó, K1 bảo C đi cùng đón 02 người là Lê Thị L1 và Nguyễn Văn D tại khách sạn B và gửi cho C3 số điện thoại của Nguyễn Thị H4 để C3 đón H4 tại homestay A. Sau khi đón được người, K1 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn D, C chở Lê Thị L1, còn C3 chở Nguyễn Thị H4 di chuyển theo hướng đến khu vực mốc biên giới 1285 nhưng khi đến khu vực mốc biên giới 1302, thuộc thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh thì bị Công an kiểm tra, phát hiện bắt giữ.

Bản cáo trạng số 3325/CT-VKSQN-P1 ngày 16/07/2024 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Kỳ Văn L, Phùng Văn K1, Lục Văn C, Mai Văn C3, về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa bốn bị cáo thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” là đúng, không oan. Hành vi phạm tội đúng như mô tả trong bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại Công an là chính xác, khách quan.

Quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” là đúng, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra. Nên về tội danh Viện kiểm sát giữ nguyên như bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Kỳ Văn L từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Phùng Văn K1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù; Lục Văn C và Mai Văn C3 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, xử lý án phí, vật chứng theo pháp luật, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Bốn bị cáo không tranh luận với Viện kiểm sát.

Các bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Một số người liên quan vắng mặt, nhưng họ đã được trình bày ý kiến trong quá trình điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh: căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra vì lời khai của bị cáo này là chứng cứ trực tiếp chứng minh hành vi của bị cáo kia. Lời khai của người liên quan (*những người đi xuất cảnh trái phép*), nhân chứng, kết quả nhận dạng, kết quả xác minh, vật chứng, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, dữ liệu điện tử và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận. Theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, thì khi công dân Việt Nam muốn xuất cảnh, nhập cảnh đều phải có các giấy tờ cần thiết và phải làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu (*vì chỉ có cửa khẩu là nơi được phép nhập cảnh, xuất cảnh*), nhưng vì vụ lợi, nên từ ngày 31/12/2023 đến ngày 01/01/2024, Kỳ Văn L có hành vi thuê Phùng Văn K1 tổ chức cho 03 người Việt Nam xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc nhưng không làm thủ tục tại cửa khẩu với giá 300.000 đồng/1 người, khi xong sẽ trả tiền công. Phùng Văn K1 rủ Lục Văn C, Mai Văn C3 cùng tham gia. Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 01/01/2024, khi Phùng Văn K1, Lục Văn C, Mai Văn C3 đang chờ 03 người Việt Nam là: Nguyễn Văn D, Lê Thị L1 và Nguyễn Thị H4 đến khu vực đường tuần tra biên giới (mốc 1302) thuộc thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng

Ninh mục đích để 3 người trên xuất cảnh sang Trung Quốc thì bị phát hiện, bắt giữ.

[3] Hành vi của các bị cáo đã vi phạm Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Hành vi đó nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý trong công tác xuất nhập cảnh của nhà nước Việt Nam, nên bốn bị cáo đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

Xét vai trò các bị cáo: bị cáo Kỳ Văn L là người giữ vai trò đầu vì sau khi nhận lời với một đối tượng người Trung Quốc, tổ chức cho 3 người Việt xuất cảnh trái phép sang trung quốc. Lập đã thuê Phùng Văn K1, còn K1 thì rủ bị cáo Lục Văn C, Mai Văn C3 cùng tham gia.

[4] Tình tiết tăng nặng: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, gây thiệt hại không lớn, phạm tội chưa đạt. Bị cáo L đầu thú, gia đình bị cáo L có công với cách mạng. Xét thấy bị cáo Lục Văn C, Mai Văn C3 tham gia với vai trò không đáng kể, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho hai bị cáo hưởng án treo cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, cho hai bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về vật chứng: quá trình điều tra có thu giữ 03 xe mô tô, 07 điện thoại di động.

Đối với 07 điện thoại, trong đó 04 chiếc là của bốn bị cáo, 03 chiếc là của những người xuất cảnh trái phép. Xét thấy đây là phương tiện các bị cáo, người liên quan dùng vào việc phạm tội nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 03 xe mô tô thì qua điều tra xác định:

+ Xe mô tô Honda Wave BKS 98E1 – 145.45 thu của Lục Văn C, qua tra cứu xác định chủ sở hữu là anh Lục Văn T2 (con của Lục Văn C), anh T2 cho bị cáo C mượn xe để đi lại, không biết bị cáo C dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Nên trả lại anh Lục Văn T2.

+ Xe mô tô Honda-Wave BKS 12L – 259.20 thu của Phùng Văn K1, Qua tra cứu xác định chủ sở hữu là anh Phan Văn C4, sinh năm 1985, trú tại thôn P, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Phùng Văn K1 khai là do vợ chồng K1 mua lại của anh Phan Văn C4 từ đầu năm 2023 với giá 7.000.000 đồng, không có giấy tờ mua bán. Qua xác minh tại địa phương, gia đình anh Phan Văn C4 đã đi từ lâu, không rõ đi đâu. Cơ quan An ninh điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe trên. Vì vậy chưa có cơ sở kết luận K1 mua chiếc xe này của anh C4, do đó chưa có cơ sở xử lý chiếc xe này, nên giao lại cho cơ quan Công an tiếp tục xử lý theo pháp luật.

+ Xe mô tô Yamaha-Sirius BKS 12K1 – 6051, qua tra cứu xác định chủ sở hữu là của ông Lãnh Văn C5, sinh năm 1967, trú tại Phố B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Mai Văn C3 khai mua chiếc xe trên của anh Mai Văn C6

(là em họ của C3) với giá 4.500.000 đồng từ tháng 8/2023. Anh Mai Văn C6 (làm nghề sửa xe máy) khai mua lại chiếc xe trên của một người đàn ông không quen biết với giá 2.500.000 đồng, khi mua bán không lập giấy tờ. Vợ chồng ông Lãnh Văn C5 đã chết, anh Lãnh Văn H5 (con ông C5) chỉ biết ông C5 đã bán chiếc xe này nhưng không biết bán cho ai. Vì vậy cũng chưa có cơ sở vững chắc xử lý chiếc xe này, nên giao lại cho cơ quan Công an tiếp tục xử lý theo pháp luật.

[7] Về án phí, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Kỳ Văn L, Phùng Văn K1, Lục Văn C, Mai Văn C3 đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Kỳ Văn L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02/01/2024 đến ngày 10/01/2024

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn K1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02/01/2024 đến ngày 10/01/2024.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1;2;5 điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lục Văn C 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lục Văn C cho UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Mai Văn C3 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Văn C3 cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Về vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 07 điện thoại di động.
- Trả lại anh Lục Văn T2 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 98E1-145.45, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen, có 02 gương, xe cũ đã qua sử dụng, Số khung: RLHHC1208BY619544, số máy: HC12E-3419684
- Giao cho Cơ quan Công an tỉnh Q giải quyết theo thẩm quyền chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12L1-259.20, nhãn hiệu Honda Wave, màu đen và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12K1-6051, nhãn hiệu Yamha Sirisu, màu đỏ đen.

Tình trạng vật chứng, như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 108 ngày 17-07-2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh với Công an tỉnh Q (PA09).

5. Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí: buộc các bị cáo Kỳ Văn L, Phùng Văn K1, Lục Văn C, Mai Văn C3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo pháp luật.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường